

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG PHỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-THQP

Quang Phục, ngày 06 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2024

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Công văn 3343/UBND-TTr, ngày 08/11/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Căn Quyết định số 4017/QĐ-UBND, ngày 05/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Trường Tiểu học Quang Phục thông báo về việc niêm yết công khai việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 như sau:

1. Niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của từng cán bộ, công chức thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định (có danh sách và bản kê khai tài sản, thu nhập kèm theo).

2. Địa điểm niêm yết: Tại Phòng Hội đồng và Bảng tin trường TH Quang Phục.

3. Thời điểm niêm yết: Bắt đầu từ ngày 08/01/2025.

4. Thời gian niêm yết: Từ ngày 08/01/2025 đến hết ngày 23/01/2025.

Trong thời gian niêm yết, nếu có ý kiến phản ánh, thắc mắc về bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng có nghĩa vụ kê khai, đề nghị ghi ý kiến phản ánh gửi về Ban Giám hiệu để kiểm tra, xác minh theo quy định.

Trường Tiểu học Quang Phục thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- CBGVNV;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thủy Hồng



**DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng bản	Ghi chú
1	Vũ Thúy Hồng	Hiệu trưởng	01	
2	Nguyễn Thị Lới	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Phạm Thị Mai	Phó Hiệu trưởng	01	
4	Đinh Thị Thu Hương	Phó Hiệu trưởng	01	

(Danh sách gồm 04 người)

Tổng số 04 bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 có chữ ký của người kê khai tài sản, thu nhập trên từng trang.

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THÚY HÒNG** Ngày tháng năm sinh: 09/11/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiêu học Quang Phục - Huyện Tiên Lãng.
- Nơi thường trú: Khu 1 - TT Tiên Lãng - Huyện Tiên Lãng- TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CMTND: 031174014425
- Ngày cấp: 31/8/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM VĂN SINH** Ngày tháng năm sinh: 29/6/1974
- Chức vụ : Trưởng phòng
- Đơn vị công tác: Công ty TNHH MTV KTCTTL huyện Tiên Lãng.
- Hộ khẩu thường trú: Khu 1 - TT Tiên Lãng - Huyện Tiên Lãng- TP Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Khu 1 - TT Tiên Lãng - Huyện Tiên Lãng- TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CMTND: 031074002296

Ngày cấp: 05/5/2016. Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

b) Con thứ hai :

- Họ và tên: **PHẠM HUY HOÀNG** - Ngày tháng năm sinh: 03/5/2006
- Hộ khẩu thường trú: Khu 1 - TT Tiên Lãng - Huyện Tiên Lãng -TP Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Khu 1 - TT Tiên Lãng - Huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CMTND: 031026017500
- Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:



- Địa chỉ: Số 18 - Phố Phú Khê - Thị trấn Tiên Lãng - Tiên Lãng - Hải Phòng.
- Diện tích: 68 m².
- Giá trị: 3 000 000 000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Sinh và bà Vũ Thúy Hồng theo số CC 540317.
- Thông tin khác (nếu có)
 - 1.1.2. Thừa thừa hai (trở lên): không có
 - 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
 - 2.1. Nhà ở:
 - 2.1.1. Nhà thứ 1:
 - Địa chỉ tại: Số 18 - Phố phú kê - Thị trấn Tiên Lãng - Tiên Lãng - Hải Phòng.
 - + Loại nhà: Ba tầng kiên cố
 - + Diện tích sử dụng: 200 m²
 - + Giá trị: 1 300 000 000 đồng
 - + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - + Thông tin khác (nếu có):
 - Nhà thứ 2 (trở lên): *Không có*
 - 2.2. Công trình xây dựng khác: Không có
 - Công trình thứ 1: (Địa chỉ tại:) Cấp công trình:
 - + Loại công trình:
 - + Diện tích xây dựng:
 - + Giá trị:
 - + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - + Thông tin khác (nếu có):
 - 3. Tài sản khác gắn liền với đất:
 - 3.1. Cây lâu năm:
 - Tên gọi:
 - Số lượng:
 - Giá trị:
 - 3.2. Rừng sản xuất:
 - Loại rừng:
 - Diện tích:
 - Giá trị:
 - 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
 - Tên gọi:
 - Số lượng:
 - Giá trị:



4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. (*Không có*)

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: 200 000 000 đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Ô tô Số đăng ký: 15H 618.44 Giá trị: 495 000 000 đồng

Xe máy Honda. Số đăng ký: 15A-06888. Giá trị: 50.000.000 đồng

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài. (*Không có*)

9. Tài khoản ở nước ngoài: (*Không có*)

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 452 000 000 đồng/năm.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 350 000 000 đồng/năm;

- Tổng thu nhập của chồng: 102 000 000 đồng/năm;

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có



III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (39) (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): *Không có biến động.*

Thư

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạc, kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...), 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+ 200 000 000 đ	- Tiết kiệm
		+ 452 000 000	Số tiền 452 000 000 đồng là tiền công, tiền lương của cả 2 vợ chồng / năm

Quang Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Quang Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Handwritten signature of Vũ Thúy Hồng

Vũ Thúy Hồng

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên: PHẠM THỊ MAI; Ngày tháng năm sinh: 23/9/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiêu học Quang Phục
- Nơi thường trú: Khu 1, Thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031176002126; ngày cấp: cấp ngày 14/9/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Văn Hải; Ngày tháng năm sinh: 12/01/1972

- Nghề nghiệp: Cán bộ

- Nơi làm việc: Đảng ủy xã Vinh Quang

- Nơi thường trú: Khu 1, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031072001061; cấp ngày 12/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 04, đường 25, Khu 1, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

- Diện tích⁽⁹⁾: 85 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Khoảng 01 tỷ đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số 547736; cấp ngày 28/6/2004; do UBND huyện Tiên Lãng cấp; cấp cho hộ ông Phạm Văn Hải.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Khu 1, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: 85,6 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500 trăm triệu đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số DO 832104; cấp ngày 27/3/2024;
Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Lãng cấp; cấp cho Ông Phạm Văn Hải và bà Phạm Thị Mai.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Sản xuất nông nghiệp; Địa chỉ: Thôn Đông Quy, xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

- Diện tích: 743,4m²

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Khu I, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: 02 tầng-Nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Khoảng 1,5 tỷ đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Nhà xây trên thửa đất số 547736, cấp ngày 28/6/2004, do UBND huyện Tiên Lãng cấp.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:



4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có.

6.1. Cổ phiếu: Không có.

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không có.

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có.

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có.

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có.

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô; Số đăng ký:..... Giá trị: 300 triệu đồng.

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 557.800.000 đồng/năm



- + Tổng thu nhập của người kê khai: 296.000.000 đồng, trong đó:
 - Lương từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024: 192.000.000 đồng;
 - Thu nhập thêm: 53.000.000 đồng
 - Thu nhập tăng thêm năm 2023: 51.000.000 đồng;
 - + Tổng thu nhập của chồng: 261.800.000 đồng, trong đó:
 - Lương từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024: 178.000.000 đồng
 - Thu nhập thêm năm 2023: 83.800.000 đồng.
 - + Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.
 - + Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	+ 01 lô	- 500 triệu đồng	Số tiền trên, gia đình đã vay 300 triệu từ Ngân hàng Vietinbank
1.2. Các loại đất khác			-chi nhánh Tiên Lãng; 200 triệu là còn lại do em trai hỗ trợ.
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá			

Handwritten signature

BÀN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Đình Thị Thu Hương** - Ngày tháng năm sinh: 20/10/1979.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.
- Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Phục, huyện Tiên Lãng.
- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Số chứng minh nhân dân: 031179004902; ngày cấp 09/ 05/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Vũ Văn Hội** - Ngày tháng năm sinh: 20/7/1976.
- Nghề nghiệp: Làm tự do.
- Nơi làm việc: xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Số chứng minh nhân dân: 031076021170; ngày cấp 11/8/2021; nơi cấp Công an thành phố Hải Phòng.


3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp ...

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Vũ Khánh Huyền**; Ngày tháng năm sinh: 25/4/2011
- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố

Hải Phòng. 



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Đất được cấp từ năm 2006

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tại Thôn Phú Xuân, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng;

- Diện tích⁽⁹⁾: 150 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000 đồng (VND)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số A0 577701 ngày 28/7/2007;

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất: Không có.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tại Thôn Phú Xuân, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng;

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Tường xây gạch, mái bê tông, cốt thép (nhà ống 1 tầng)

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 70 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.700.000.000 đồng (VND)

- Giấy chứng nhận quyền sử hữu: Nhà ở xây trên đất ở.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾,

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 383. 895.583 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 263.895.583 đồng;

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120. 000.000 đồng;

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung: 383. 895.583 đồng;





**III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC
CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần
đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			

TR
Phan B

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+ 383. 895.583	Thu nhập từ lương và phụ cấp của 2 vợ chồng

Ngày: 11 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BÀN KẾ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



[Handwritten signature]

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thuý Hồng

Quang Phục, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

Đinh Thị Thu Hương

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỜI Ngày tháng năm sinh: Ngày 28 .8.1968
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Quang Phục – Tiên Lãng.
- Nơi thường trú: Thôn Khôi vỹ Thượng- Quang Phục – Tiên Lãng – HP.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031168006011 ngày cấp 10/9/2019 nơi cấp: Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Diễn Ngày tháng năm sinh: 01/7/1960
- Nghề nghiệp: Nghi chế độ
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Thôn Khôi vỹ Thượng- Quang Phục – Tiên Lãng – HP.
- Nơi thường trú: Thôn Khôi vỹ Thượng- Quang Phục – Tiên Lãng – HP.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031060003821 ngày cấp 05/4/1917 nơi cấp : Cục cảnh sát.

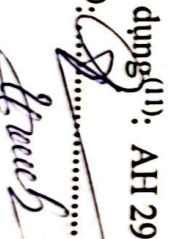
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không

- 3.1: Con thứ nhất: *Không có*
- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân.....

3.2: Con thứ hai (trở lên): Kê khai như con thứ nhất. *Không có*

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:
 - 1.1. Đất ở⁽⁷⁾:
 - 1.1.1. Thửa thứ nhất:
 - Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Khôi vỹ Thượng- Quang Phục – Tiên Lãng – HP.
 - Diện tích⁽⁹⁾: 351 m2
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 300 triệu
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: AH 299982
 - Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:.....



1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất. *Không*

- Loại rừng:.....
- Loại rừng:.....

3.3. Vật kiến trúc

- Tên gọi:.....

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: *Không có*

1.2.1. Thửa thứ nhất:
- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất. *Không có*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Khôi vỹ Thượng- Quang Phục – Tiên Lãng – HP.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 60m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 150 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự nhà thứ nhất. *Không có*

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: *Không có*

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự công trình thứ nhất. *Không*

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: *Không có*

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: *Không có*
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. *Không có*
 - 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. 150 000 000đ (một trăm năm mươi triệu đồng)
 - 6. Có phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có*
 - 6.1. Cổ phiếu: *Không có*
 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - 6.2. Trái phiếu: *Không có*
 - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - 6.3. Vốn góp⁽²²⁾: *Không có*
 - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
 - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
 - 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾ *Không có*
 - Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
 - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
 - Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
 - 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
 - 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
 - Tên tài sản: Xe máy Số đăng ký: 15H1-43271 Giá trị: 68 triệu đồng
 - Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
 - 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: *Không có*
 - Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
 - Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
 - 8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. **Không**
 - 9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾. **Không**



- Tên chủ tài khoản: số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 316 203 683đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 300 577 218đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 15 000 000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIÊN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): **Không có nguồn biến động.**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà			150 triệu

<p>tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p>			
<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p>			
<p>6.1. Cổ phiếu</p>			
<p>6.2. Trái phiếu</p>			
<p>6.3. Vốn góp</p>			
<p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p>			
<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p>			
<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p>			
<p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p>			
<p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p>			
<p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		<p>+300 577 218đ</p>	<p>Thu nhập từ lương, phụ cấp và thu nhập tăng thêm: 300 577 218đ</p>

Tiên Lãng, ngày 1 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



[Handwritten signature]

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thuý Hồng

Tiên Lãng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Lới